

Số: 842/QĐ-UBND

Kon Tum, ngày 28 tháng 10 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án phát triển kinh tế - xã hội nhằm giảm nghèo nhanh
và bền vững giai đoạn 2013-2017 của huyện Sa Thầy**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 293/QĐ-TTg ngày 05/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho 23 huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao được áp dụng cơ chế, chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy định của Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo;

Căn cứ Quyết định số 581/QĐ-TTg ngày 20/4/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kon Tum đến năm 2020;

Căn cứ Công văn số 1845/BKHĐT-KTĐPLT ngày 25/3/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xây dựng Đề án phát triển kinh tế - xã hội nhằm giảm nghèo nhanh và bền vững cấp huyện giai đoạn 2013-2017;

Căn cứ Công văn số 6795/BKHĐT-KTĐPLT ngày 11/9/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thẩm tra Đề án hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững giai đoạn 2013-2017 của các huyện Kon Rẫy, Sa Thầy, Đăk Glei, tỉnh Kon Tum;

Xét đề nghị của UBND huyện Sa Thầy tại Tờ trình số 169/TTr-UBND ngày 20/9/2013 về việc phê duyệt Đề án phát triển kinh tế - xã hội nhằm giảm nghèo nhanh và bền vững giai đoạn 2013-2017 của huyện Sa Thầy;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch Hội đồng thẩm định Đề án phát triển KTXH nhằm giảm nghèo nhanh và bền vững giai đoạn 2013-2017 của các huyện: Đăk Glei, Sa Thầy và Kon Rẫy (tại Báo cáo thẩm định số 04/BCTĐ-HĐTĐ ngày 26/7/2013 và Công văn số 1682/SKHĐT-TH ngày 04/10/2013),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án phát triển kinh tế - xã hội nhằm giảm nghèo nhanh và bền vững giai đoạn 2013-2017 của huyện Sa Thầy với những nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu chung:

Xây dựng kinh tế huyện Sa Thầy có tốc độ tăng trưởng cao và bền vững, trên cơ sở phát huy và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên để tạo dựng một cơ cấu kinh tế tối ưu nhất. Từng bước thu hẹp dần khoảng cách về thu nhập bình quân đầu người so với tỉnh Kon Tum và toàn vùng Tây Nguyên; đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân các Dân tộc không ngừng được nâng cao, môi trường được giữ vững, quốc phòng - an ninh vững mạnh, trật tự an toàn xã hội được bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể:

a. Về kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng: Phần đầu mức tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011-2015 đạt 22,7%/năm; giai đoạn 2016-2017 đạt 23,6%.

- Thu nhập bình quân đầu người đạt khoảng 18 triệu đồng (năm 2015) và 27 triệu đồng (năm 2017).

- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 150 tỷ đồng (năm 2015) và đạt 290 tỷ đồng (năm 2017).

b. Về xã hội

- Đến năm 2015, tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 20%; giai đoạn 2016-2017, tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 4-5%/năm.

- Tốc độ tăng dân số của huyện giai đoạn 2011 - 2015 khoảng 7,3%/năm, giai đoạn 2016-2017 là 6,9%/năm. Lao động trong độ tuổi khoảng 35.000 người năm 2015 và 49.000 người năm 2017.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 40% (năm 2015) và đạt 55% (năm 2017), trong đó đào tạo nghề, tập huấn, huấn luyện đạt 33% năm 2015, đến năm 2017 đạt 35,8%.

- Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng còn dưới 22% (năm 2015) và dưới 17% (năm 2017); 100% trạm y tế xã có bác sỹ và được đầu tư kiên cố. Tỷ lệ xã, thị trấn đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn 2011-2020 đến năm 2015 đạt 50% và đạt 70% vào năm 2017 và 70% lượt hộ đạt gia đình văn hóa vào năm 2015, đến 2017 đạt 90%; tỷ lệ thôn, làng đạt thôn, làng văn hóa năm 2015 đạt 31% và đến năm 2017 đạt trên 55%.

- Đến năm 2015: Hoàn thành phổ cập mầm non cho trẻ 5 tuổi; duy trì kết quả phổ cập giáo dục trung học cơ sở và phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi.

- Tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm xã đi được trong 2 mùa đạt 80% (năm 2015) và 100% (năm 2017).

- Phần đầu số xã đạt tiêu chí nông thôn mới đến cuối năm 2015 đến năm từ 1-2 xã, đến năm 2017 có 2-3 xã.

c. Về môi trường

- Độ che phủ của rừng đạt trên 65% (năm 2015) và 66,6% (năm 2017).

- Đảm bảo nguồn nước hợp vệ sinh cho nhân dân, phần đầu tỷ lệ dân số được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 80% (năm 2015) và 90% (năm 2017).

d. *Về quốc phòng - an ninh*: Cũng cố quốc phòng - an ninh trên địa bàn, nhất là khu vực biên giới, sẵn sàng chiến đấu trong mọi tình huống và đảm bảo trật tự kỷ cương trong các hoạt động kinh tế - xã hội. Tỷ lệ xã vững mạnh về quốc phòng an ninh đạt trên 80% (năm 2015) và 84 % (năm 2017).

3. Nội dung đầu tư và nguồn vốn thực hiện Đề án:

3.1. Nội dung đầu tư:

- Danh mục đầu tư của Đề án phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của huyện; quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực của tỉnh. Ưu tiên đầu tư cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, các xã điểm xây dựng nông thôn mới, đảm bảo đúng đối tượng đầu tư theo Quyết định 293/QĐ-TTg và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 1845/BKHĐT-KTĐPLT ngày 25/3/2013 về việc xây dựng Đề án phát triển kinh tế - xã hội nhằm giảm nghèo nhanh và bền vững cấp huyện giai đoạn 2013-2017;

- Giai đoạn 2013-2017, tổng nhu cầu đầu tư trên địa bàn huyện (*không tính ở thị trấn*) khoảng 1.581 tỷ đồng với 94 công trình; trong đó: Đầu tư từ nguồn hỗ trợ có mục tiêu từ NSTW thực hiện Đề án (*theo Quyết định số 293/QĐ-TTg*) là 14 công trình với tổng mức đầu tư 117 tỷ đồng, cụ thể:

a. Danh mục đầu tư chính thức (*danh mục ưu tiên*): 08 công trình/90 tỷ đồng; trong đó:

- Ngành Giao thông: 04 công trình/46 tỷ đồng đầu tư các công trình đường giao thông liên thôn, liên xã.

- Ngành Nông, lâm, ngư nghiệp: 36,4 tỷ đồng/01 công trình thủy lợi.

- Ngành Giáo dục và đào tạo: 01 công trình/2,0 tỷ đồng đầu tư tăng cường cơ sở vật chất trường mầm non.

- Ngành Y tế: 01 công trình/1,0 tỷ đồng đầu tư tăng cường cơ sở vật chất Trạm y tế xã.

- Ngành công nghiệp: 01 công trình/4,59 tỷ đồng đầu tư đường điện dân sinh.

b. Danh mục đầu tư dự phòng (*chi đầu tư khi đảm bảo cân đối được vốn*): 06 công trình/25 tỷ đồng; trong đó: 03 công trình giao thông/15 tỷ đồng; 03 công trình giáo dục và đào tạo/12 tỷ đồng.

(*Có Danh mục đầu tư từ nguồn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương thực hiện Đề án theo Quyết định 293/QĐ-TTg tại phụ biểu kèm theo*).

- Mức vốn đầu tư của từng công trình theo danh mục đầu tư tại phụ biểu kèm theo là mức vốn hỗ trợ tối đa từ ngân sách Trung ương cho 01 công trình. Trong quá trình thực hiện, trường hợp dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật được lập, phê duyệt (*hoặc phê duyệt điều chỉnh*) có tổng mức đầu tư lớn hơn mức vốn hỗ trợ tối đa nêu trên, UBND huyện có trách nhiệm huy động, lồng ghép, cân đối

bố trí từ các nguồn vốn đầu tư thuộc ngân sách cấp huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác để đầu tư hoàn thành công trình. Trường hợp không cân đối, bố trí được thì cắt giảm quy mô cho phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư.

3.2. Nhu cầu vốn và nguồn vốn:

ĐVT: Tỷ đồng

	Nguồn vốn đầu tư	Tổng nhu cầu vốn giai đoạn 2013-2017		
		Tổng số	Chia ra	
			Trong nước	Ngoài nước
	Tổng số	1.581,0	1.563,1	17,9
1	Nguồn hỗ trợ theo mục tiêu từ NSTW thực hiện đề án (<i>Quyết định số 293/QĐ-TTg</i>), trong đó:	117,0	117,0	0,0
-	<i>Danh mục đầu tư chính thức (danh mục ưu tiên)</i>	90,0	90,0	0,0
-	<i>Danh mục đầu tư dự phòng (chỉ đầu tư khi đảm bảo cân đối được vốn)</i>	27,0	27,0	0,0
2	Nguồn hỗ trợ mục tiêu từ ngân sách TW khác	384,8	384,8	0,0
3	Nguồn cân đối ngân sách địa phương	29,3	29,3	0,0
4	Nguồn vốn ngoài nước (ODA, NGO)	17,9	0,0	17,9
5	Vốn trái phiếu chính phủ	205,7	205,7	0,0
6	Vốn khác	826,3	826,3	0,0

4. Giải pháp:

- Huy động nguồn vốn, lồng ghép các nguồn vốn đầu tư: Huy động tối đa mọi nguồn lực; lồng ghép các chương trình, dự án, nguồn vốn để tập trung đầu tư hoàn thành các công trình thuộc Đề án đạt hiệu quả cao; trong đó chú ý huy động sự đóng góp của nhân dân và doanh nghiệp trên địa bàn.

- Đầu tư tập trung, tránh dàn trải. Ưu tiên triển khai trước đối với các công trình, dự án phục vụ trực tiếp sản xuất và sinh hoạt của nhân dân, của người nghèo; nhất là ở địa bàn các xã đặc biệt khó khăn, xã điểm xây dựng nông thôn mới, khu vực Nam Sa Thầy.

- Thực hiện nghiêm túc, đúng quy định hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản từ khâu chủ trương đầu tư cho đến khâu nghiệm thu, bàn giao, thanh quyết toán công trình. Kiểm soát chặt chẽ phạm vi, quy mô đầu tư của từng dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình, đảm bảo theo đúng mục tiêu, lĩnh vực, chương trình đã được phê duyệt.

- UBND huyện thường xuyên quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, trình độ cho cán bộ công chức làm công tác quản lý đầu tư xây

dựng cơ bản; bố trí cán bộ có đủ trình độ, am hiểu sâu về lĩnh vực xây dựng cơ bản tham gia vào ban quản lý dự án nhằm tăng cường năng lực cho ban quản lý dự án, giúp chủ đầu tư triển khai, thực hiện dự án xuyên suốt từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư cho đến kết thúc đầu tư.

- Làm tốt công tác khảo sát, lập dự án/báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình, đảm bảo chất lượng, hiệu quả, tránh bị điều chỉnh nhiều lần; chú ý hoàn thành công tác bồi thường giải phóng mặt bằng trước khi triển khai thực hiện để không ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, quản lý chất lượng xây dựng, quản lý khai thác, vận hành, duy tu bảo dưỡng kịp thời, hợp lý nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng và tuổi thọ công trình.

- Thực hiện tốt công tác dân vận ở cơ sở; vận động, tổ chức lấy ý kiến nhân dân về kế hoạch triển khai thực hiện dự án; công tác bồi thường giải phóng mặt bằng; giải thích cho nhân dân hiểu rõ về cơ chế, chính sách; niêm yết đơn giá, khối lượng bồi thường công khai minh bạch để nhân dân biết, giám sát lẫn nhau; hạn chế tối đa việc khiếu nại, khiếu kiện có thể xảy ra.

- Tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; các đoàn thể các cấp tại cơ sở và nhân dân tăng cường công tác giám sát cộng đồng, thực hiện tốt Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở; công khai hóa các thông tin về công trình/dự án đầu tư trên địa bàn các xã theo quy định của pháp luật; tạo điều kiện để Ban giám sát đầu tư cộng đồng thực hiện nhiệm vụ. Kiên quyết không nghiệm thu các hạng mục công trình không đảm bảo chất lượng, xử lý triệt để các trường hợp vi phạm, không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

- Thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo theo quy định (*đặc biệt là công tác giám sát, đánh giá đầu tư*). Sau khi công trình hoàn thành, tiến hành đánh giá hiệu quả đầu tư; đẩy nhanh tiến độ quyết toán dự án hoàn thành theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao UBND huyện Sa Thầy (*chủ đề án*), phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Đề án theo đúng quy định. Định kỳ (*06 tháng, hàng năm*) và đột xuất báo cáo về tình hình thực hiện Đề án về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp chung.

2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư căn cứ danh mục đầu tư từ nguồn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương thực hiện Đề án theo Quyết định 293/QĐ-TTg ngày 05/02/2013 ban hành kèm theo Quyết định này và tình hình thực tế hướng dẫn UBND huyện sử dụng lồng ghép các nguồn lực và thực hiện theo cơ chế, chính sách hỗ trợ xây dựng chương trình nông thôn mới theo chủ trương của tỉnh.

3. Các sở, ban, ngành theo chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc UBND huyện Sa Thầy tổ chức thực hiện Đề án; kịp thời đề xuất UBND tỉnh tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá

trình thực hiện Đề án.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các đơn vị có cơ quan và Chủ tịch UBND huyện Sa Thầy chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội;
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- UBMT Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- HĐND, UBND huyện Sa Thầy;
- Như Điều 3;
- Lưu VT, KTTH2

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hùng

PHỤ BIỂU

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN VỐN THEO QUYẾT ĐỊNH 293/QĐ-TTG GIAI ĐOẠN 2013-2017

(Kèm theo Quyết định số: 842/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Địa điểm đầu tư	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư được duyệt	Tổng mức đầu tư		Tổng nhu cầu vốn giai đoạn 2013-2017					Ghi chú	
					Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó chia ra các năm					
								2013	2014	2015	2016		2017
	TỔNG SỐ				117.000	117.000	117.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	
A	Danh mục đầu tư chính thức				90.000	90.000	90.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	
I	Ngành giao thông				46.002	46.002	46.002	13.410	18.000	6.092	8.500		
1	Đường giao thông liên xã Sa Bình - Ya Ly	Sa Bình - Ya Ly	2013-2015	1409-09/11/2009	20.502	20.502	20.502	13.410	7.092				
2	Nâng cấp đường giao thông từ trung tâm huyện đến xã Sa Sơn	Sa Sơn	2014-2016		15.000	15.000	15.000		5.908	3.092	6.000		
3	Cầu tràn qua sông Sa Thầy đến Trường tiểu học Lê Quý Đôn, xã Mo Rai.	Mo Rai	2014	2276-30/12/2011	5.000	5.000	5.000		5.000				
4	Đường giao thông liên thôn xã Sa Sơn (liên thôn 1 đến thôn 2)	Sa Sơn	2015-2016		5.500	5.500	5.500			3.000	2.500		
II	Ngành nông, lâm, ngư nghiệp				36.400	36.400	36.400			11.908	9.500	14.992	
1	Thủy lợi làng Lung (Đông Hưng)	Ya Xier	2015-2017	1086-6/09/2009	36.400	36.400	36.400			11.908	9.500	14.992	
III	Ngành giáo dục đào tạo				2.008	2.008	2.008					2.008	
1	Nâng cấp trường mầm non Sao Mai	Sa Sơn	2017		2.008	2.008	2.008					2.008	
IV	Ngành y tế				1.000	1.000	1.000					1.000	
1	Nâng cấp, cải tạo trạm y tế xã Sa Nghĩa	Sa Nghĩa	2017		1.000	1.000	1.000					1.000	
V	Ngành công cộng				4.590	4.590	4.590	4.590					



TT	Nội dung	Địa điểm đầu tư	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư được duyệt	Tổng mức đầu tư		Tổng nhu cầu vốn giai đoạn 2013-2017					Ghi chú		
					Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó chia ra các năm						
								2013	2014	2015	2016		2017	
1	Đường điện phục vụ dân sinh xã Sa Sơn	Sa Sơn	2013		4.590	4.590	4.590	4.590						
B	Danh mục đầu tư dự phòng				27.000	27.000	27.000							
I	Ngành Giao thông				15.000	15.000	15.000							
1	Xây dựng một số đoạn đường ở thôn 4, thôn 5 Xã Mo Rai	Mo Rai	2014		5.000	5.000	5.000							
2	Đường giao thông liên thôn xã Sa Nghĩa	Sa Nghĩa	2017		5.000	5.000	5.000							
3	Đường giao thông liên thôn xã Sa Nhơn	Sa Nhơn	2014-2016		5.000	5.000	5.000							
II	Ngành Giáo dục				12.000	12.000	12.000							
1	Nâng cấp trường tiểu học xã Rờ Koi	Rờ Koi	2014-2015		5.000	5.000	5.000							
2	Cải tạo, mở rộng Trường trung học cơ sở xã Rờ Koi	Rờ Koi	2014-2015		3.500	3.500	3.500							
3	Xây dựng trường mầm non hoa sen	Sa Nghĩa	2015		3.500	3.500	3.500							